

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2022**

 EVNPECC3



**EVNPECC3**

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2023*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2022**



*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2023*

**MỤC LỤC**

<b>I. Thông tin chung</b> .....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	8
6. Các rủi ro.....	9
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2022</b> .....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	15
4. Tình hình tài chính.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	19
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	21
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b> .....	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	23
2. Tình hình tài chính.....	24
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	25
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	29
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	31
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	31
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....	31
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	32
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	32
<b>V. Quản trị Công ty</b> .....	33
1. Hội đồng quản trị.....	33
2. Ban kiểm soát.....	43
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.....	45
<b>VI. Báo cáo tài chính</b> .....	47
1. Ý kiến kiểm toán.....	47
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 21/11/2022.
- Vốn điều lệ: 95.173.030.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 95.173.030.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22211169
- Số fax: 028.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện, thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 07/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua 44 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.



### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và quy hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng.
- Giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, năng lượng tái tạo, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas.
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.



- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi).
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ).
- Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi).
- Tư vấn lập hồ sơ đánh giá: tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng. Kiểm định nhà máy điện.
- Kinh doanh bất động sản.
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng.
- Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác.
- Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.
- Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng như đường dây và trạm biến áp. Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình. Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- Thiết kế bản vẽ thi công và giám sát thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các công trình.
- Bán buôn vật tư thiết bị ngành điện.

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Campuchia...

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**4.1. Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

**4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:** xem sơ đồ tổ chức.

- Khối các đơn vị sản xuất gồm: phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, Trung tâm Nhiệt điện & Năng lượng mới, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, phòng Tư vấn dự án, Ban EPC.
- Khối các đơn vị hỗ trợ sản xuất gồm: phòng Kế hoạch kinh doanh, phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức & nhân sự, Văn phòng, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Nghiên cứu & phát triển, phòng Công nghệ thông tin, phòng Pháp chế.



02 Chi nhánh trực thuộc Công ty gồm:

- Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện:

- + Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.
- + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

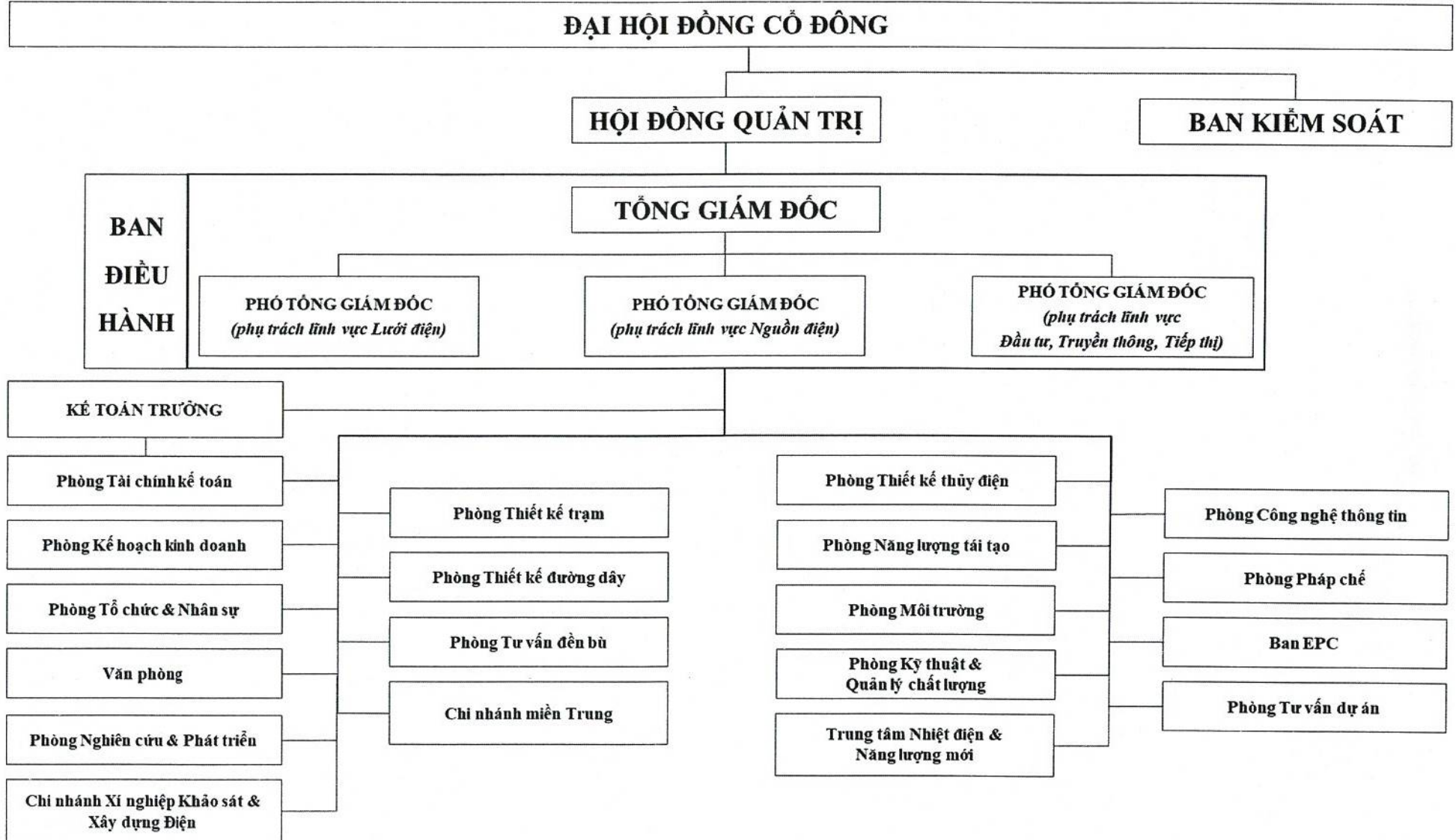
- Chi nhánh miền Trung:

- + Địa chỉ: Đường 23 tháng 10, P. Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
- + Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

**4.3. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.



Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3







## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.
- Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Giá trị cốt lõi:
  - + Chính trực - Tin cậy;
  - + Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hiệu quả;
  - + Học hỏi - Phát triển;
  - + Đoàn kết - Hợp tác - Thân thiện.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì khách hàng hiện có, phát triển khách hàng tư nhân.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng thương hiệu uy tín.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn.

### 5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Giữ vững và tăng trưởng doanh thu: giữ vững doanh thu khách hàng hiện có, đồng thời tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân.
- Quản lý hiệu quả chi phí, nâng cao năng suất lao động: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao.
- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu PECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp PECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.
- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực trực tiếp cung cấp dịch vụ nhằm gia tăng giá trị và trải nghiệm cho khách hàng.



- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi của Công ty: sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

## 6. Các rủi ro

- Chiến lược, quy hoạch các phân ngành năng lượng: điện, than, dầu khí, năng lượng tái tạo (NLTT) không được xây dựng dựa trên một chiến lược chung toàn ngành năng lượng dẫn đến sự phát triển không đồng bộ, không thống nhất giữa các phân ngành năng lượng cũng như sự phát triển thiếu đồng bộ, thống nhất, cân đối, hài hòa của toàn ngành năng lượng. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.
- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, chính sách đất đai và giá đền bù thấp. Tuyến đường dây đi qua nhiều địa phương, mỗi địa phương lại áp dụng áp giá đền bù khác nhau,... dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.
- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thỏa thuận thực hiện dự án dẫn đến bị phạt hợp đồng do chậm trễ tiến độ.
- Khách hàng ngày càng đòi hỏi nâng cao chất lượng tư vấn nên đưa vào điều khoản hợp đồng ràng buộc trách nhiệm tư vấn ngày càng khắt khe, các điều khoản phạt, bồi thường rất cao nên rủi ro phải bồi thường thiệt hại càng lớn.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh. Phát triển điện mặt trời bị chững lại do quy hoạch thiếu đồng bộ giữa nguồn và lưới.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022

- Kế hoạch doanh thu: **350 tỷ đồng** (trước thuế);  
Doanh thu thực hiện: **259,5 tỷ đồng** (trước thuế), đạt 74% kế hoạch.
- Kế hoạch giá trị HĐ ký mới: **386 tỷ đồng** (trước thuế);  
Giá trị HĐ ký mới thực hiện: **169,2 tỷ đồng** (trước thuế), đạt 44% kế hoạch.



- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:  
Mua sắm tài sản: **0,98 tỷ đồng**, đạt 11% kế hoạch.  
Đầu tư góp vốn năm 2022: không có.
- Kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận: **23,6 tỷ đồng**, đạt 91% kế hoạch.

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2022

- Doanh thu và giá trị Hợp đồng ký mới thực hiện của Công ty không đạt so với kế hoạch chủ yếu do các nguyên nhân sau:
  - + Tổng sơ đồ quy hoạch 8 (TSD8) chưa được duyệt cho nên nhiều dự án phải tạm hoãn triển khai do chưa đủ cơ sở pháp lý.
  - + Do thay đổi thủ tục đầu tư: Các dự án đang triển khai lập BCNCKT phải làm bổ sung thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư. Thủ tục này rất mất nhiều thời gian, nhất là các dự án đi qua 2 tỉnh thành phải thông qua ít nhất 12 Bộ ngành và địa phương đến nay các dự án này vẫn chưa được thông qua Chủ trương đầu tư. Do đó nhiều dự án của Công ty thực hiện hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt BCNCKT, làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty so với kế hoạch.
  - + Chính sách, cơ chế triển khai NLTT theo NQ 55-NQ/TW của Trung ương Đảng đầu đó vẫn chưa được triển khai đồng bộ để khai thông, thu hút các Nhà đầu tư sau khi các chính sách hỗ trợ phát triển NLTT hết hiệu lực, quy hoạch không gian biển vẫn chưa có, giá mua bán điện, cơ chế đấu thầu Nhà đầu tư, giá điện vẫn chưa được ban hành làm chậm tiến độ đầu tư các dự án tư NLTT.
  - + Khó khăn từ thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng phức tạp ảnh hưởng đến việc hoàn thành dự án, dẫn đến việc quyết toán dự án kéo dài. Số tiền tư vấn bị giữ lại chờ quyết toán nhiều, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.
  - + Theo Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 143/QĐ-HĐTV ngày 26/11/2021 thì các dự án cần phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án. Quy chế này lần đầu áp dụng nên có nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai dẫn đến các dự án sau thiết kế cơ sở được phê duyệt trong năm đến nay vẫn chưa thực hiện công tác đấu thầu để ký kết hợp đồng triển khai tiếp các công tác chuẩn bị đầu tư tiếp theo.
  - + Các công ty tư vấn ít việc nên ra sức cạnh tranh khốc liệt, thậm chí phá giá nhằm mục đích có việc làm, duy trì hoạt động của doanh nghiệp.
  - + Khung giá phát điện cho các nhà máy điện gió, điện mặt trời đến nay vẫn chưa được ban hành nên rất khó khăn trong công tác tìm kiếm hợp đồng.
- Đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định (TSCĐ): kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ phần lớn phục vụ cho công tác thực hiện dự án như các phần mềm hỗ trợ trong công tác thiết kế, các thiết bị khảo sát điện gió ngoài khơi. Trong năm 2022 các dự án này chưa triển khai nên kế hoạch mua sắm sẽ điều chỉnh chuyển sang năm 2023, nhằm tiết kiệm chi phí.



- Lợi nhuận: do nhiều yếu tố khó khăn như đã đánh giá trên đây làm doanh thu thực hiện năm 2022 đạt thấp (74%), nhưng do Công ty đẩy mạnh công tác quản lý, thay đổi phương thức quản lý đã giúp Công ty sử dụng chi phí hiệu quả giúp lợi nhuận đạt trên 90% kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Ban điều hành

- Ông **Nguyễn Như Hoàng Tuấn**: Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
- + Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1973;
- + Quê quán: tỉnh Thừa Thiên Huế;
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
  - Từ tháng 06/2022 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/2020 đến 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị, Thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2020: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân (nay là Trung tâm Nhiệt điện & Năng lượng mới), Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2017: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 08/2014 đến tháng 12/2014: Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2013 đến tháng 07/2014: Trưởng phòng Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2013: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2006 đến tháng 01/2009: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2002 đến tháng 06/2006: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/2000 đến tháng 06/2002: Kỹ sư điện phòng Dự án lưới, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 11/1996 đến tháng 12/1999: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 19,51%;
  - Sở hữu: 0,054%.



- Ông **Lạc Thái Phước**: Quyền Tổng Giám đốc  
(Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
  - + Quê quán: tỉnh Vĩnh Long;
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 04/2003 đến tháng 04/2022: Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1999 đến tháng 04/2003: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1989 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Thiết kế trạm, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,075%.
- Ông **Trần Quốc Điền**: Phó Tổng Giám đốc
  - + Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;
  - + Quê quán: tỉnh Thừa Thiên Huế;
  - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 06/2001 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1999 đến tháng 05/2001: Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 04/1999 đến tháng 09/1999: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh;



- Từ tháng 08/1996 đến tháng 03/1999: Tổ trưởng phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
- Từ tháng 06/1995 đến tháng 08/1996: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 5,606%.
- Ông **Trần Lê Minh**: Phó Tổng Giám đốc
  - + Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;
  - + Quê quán: tỉnh Quảng Ngãi;
  - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2009: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 01/1991 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,071%.
- Ông **Nguyễn Trí Trinh**: Phó Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 9 năm 2022, nghỉ hưu theo chế độ)
  - + Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1962;
  - + Quê quán: tỉnh Nam Định;
  - + Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ thủy điện;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 07/2013 đến 08/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 01/2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn KSTK điện miền Bắc, Phụ trách Văn phòng đại diện tại Hà Nội, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 08/2003 đến tháng 12/2008: Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;



- Từ tháng 01/2001 đến tháng 07/2003: Trưởng phòng Xí nghiệp thiết kế 3, Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;
  - Từ tháng 06/1993 đến tháng 12/2000: Kỹ sư Xí nghiệp thiết kế 3, Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;
  - Từ tháng 01/1990 đến tháng 05/1993: Kỹ sư Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;
  - Từ tháng 04/1984 đến tháng 12/1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,020%.
- Ông **Nguyễn Công Thắng**: Phó Tổng Giám đốc  
(Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 9 năm 2022)
- + Sinh ngày 23 tháng 03 năm 1970;
  - + Quê quán: tỉnh Quảng Ngãi;
  - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 09/2022 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 03/2006 đến tháng 08/2022: Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 07/2003 đến tháng 03/2006: Phó Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 03/2000 đến tháng 06/2003: Kỹ sư điện phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 07/1997 đến tháng 02/2000: Kỹ sư điện phòng Thiết kế điện, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 09/1994 đến tháng 06/1997: Kỹ sư điện Phân xưởng cơ điện, Nhà máy Thép Thủ Đức, Công ty Thép miền Nam.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,0004%.
- Ông **Phạm Hoàng Vinh**: Kế toán trưởng
- + Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1971;
  - + Quê quán: tỉnh Quảng Nam;
  - + Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;



- Từ tháng 05/2007 đến tháng 12/2018: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/2006 đến tháng 04/2007: Phó Trưởng phòng phụ trách Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 09/1999 đến tháng 04/2006: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 04/1995 đến tháng 09/1999: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,248%.

## 2.2. Cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2022 là: 449 người;
- Công ty có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với gần 450 cán bộ công nhân viên trong đó trên 85% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:
  - Tiến sĩ: 01 người;
  - Thạc sĩ: 35 người;
  - Đại học: 294 người;
  - Cao đẳng, Trung cấp: 58 người;
  - Công nhân kỹ thuật: 44 người;
  - Lao động phổ thông: 17 người.
- Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.
- Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 3.1. Tình hình đầu tư góp vốn năm 2022

- Công ty không có các khoản đầu tư góp vốn trong năm 2022.

### 3.2. Tình hình thực hiện các dự án (DA)

#### a. Nhiệt điện:

- Các dự án đã được phê duyệt:
  - NMNĐ TBKHH Miền Trung I&II (1.500MW);
  - BCNCTKT NMNĐ khí LNG Sơn Mỹ 2 (3x750MW);
  - BCNCKT NMNĐ Hiệp Phước 1 (1.200MW).





- Các dự án đã hoàn thành lập hồ sơ nhưng chưa được phê duyệt như sau:
  - NMNĐ khí LNG ECV-Bình Thuận (1.200MW): đang trình Bộ Công Thương xem xét bổ sung TSD8;
  - NMNĐ khí LNG Sơn Mỹ 2 (3x750MW): BCNCKT đang trình Bộ Công Thương thẩm định;
  - TKKT NMNĐ Hiệp Phước 1 (1.200MW);
  - Tư vấn chính đấu thầu và hỗ trợ thương thảo Hợp đồng gói thầu EPC - DA NMNĐ Ô Môn IV, HSMT đã được Ban QLDA Điện 3 trình lên HĐTV EVN phê duyệt;
  - NMNĐ Ô Môn II (1.050MW): lập BCNCKT cho nhà đầu tư Tập đoàn Marubeni (Nhật Bản) và WTO;
  - Hoàn thành Tư vấn đấu thầu EPC cho NMNĐ Quảng Trạch I (1.200MW);
  - TKKT Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (1.200MW);
- Mở rộng dịch vụ tìm kiếm công việc trong các nhà máy nhiệt điện đang hoạt động và các dịch vụ tư vấn mới như: Nghiên cứu tiềm năng sản xuất Hydrogen từ các nguồn năng lượng tái tạo và nhiệt điện; Thiết kế kỹ thuật và BVTC cho hệ thống nước thô và hồ điều hòa cho Trung tâm nhiệt điện Duyên Hải.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động, xúc tiến tìm kiếm và liên hệ với Chủ đầu tư các DA điện tại Việt Nam để bày tỏ sự quan tâm, gửi bản chào và đàm phán các hợp đồng đối với các DA nhiệt điện.

**b. Thủy điện:**

- Các dự án đã hoàn thành:
  - Công tác TVGS các thủy điện như: Xekaman 3 tại Lào; Đa Nhim mở rộng tại Lâm Đồng và đã thực hiện quyết toán và thanh lý hợp đồng;
  - Công tác quyết toán 07 hợp đồng Tư vấn khảo sát, thiết kế công trình thủy điện Alin;
  - TKKT TĐ Hòa Bình MR và TĐ Ialy MR;
  - Hiệu chỉnh DAĐT thủy điện Sông Giang 1; hiệu chỉnh TKKT, BVTC thủy điện Sông Giang 1;
  - Lập PA ứng phó tình huống khẩn cấp các TĐ Sông Ba Hạ; Sê san 4 và Sê San 4A.
- Các dự án đang triển khai:
  - Thẩm tra DAĐT TĐ Trị An mở rộng;
  - TKKT thủy điện Hou Way ka Oan; TKKT/BVTC thủy điện Nậm Long 2&3; BVTC Thủy điện Nậm Hóa 1,...
  - Lập PA ứng phó tình huống khẩn cấp các TĐ Buôn Kuôp - Buôn Tua Shra - Srepok 3;
  - Quan trắc chuyển vị chu kỳ năm 2022 thủy điện Trị An, Đa Nhim, Buôn Kuôp, Srepok 3, Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, Đồng Nai 3-4-5, Ankhekanat;



- Tham gia đấu thầu và trúng thầu: Xử lý đường ống áp lực và đường A3 Thủy điện Ankhekanat; Xử lý khe van đập tràn Đơn Dương; Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”; Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật nâng cấp trạm GIS Thủy điện Hàm Thuận; Quan trắc chuyển vị đứng - ngang Thủy điện Trị An; Quan trắc chuyển vị Đứng - Ngang Thủy điện Sông Ba Hạ, Tư vấn khảo sát, lập thiết kế xử lý thấm thượng, hạ lưu khe co giãn EJ08 đập thủy điện Sông Bung 4.
- Xúc tiến và đề xuất mở rộng Thủy điện Đồng Nai 5 với Vinacomin; Xúc tiến đề xuất mở rộng Srepok 3 với GENCO3. Hợp đồng nghiên cứu tiềm năng thủy điện bên Lào với GENCO3.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: cắm mốc ranh lòng hồ, quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện.

**c. Lưới điện:**

- Đóng điện đưa vào vận hành năm 2022 các công trình: TBA 220kV Châu Thành (Hậu Giang) và đấu nối; Trạm 110kV KCN An Nghiệp và đường dây đấu nối, tỉnh Sóc Trăng; Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Cam Ranh; TBA 220kV Cam Ranh; TBA 500kV Long Thành; ĐD 500kV Long Thành - rẽ Phú Mỹ - Sông Mây; NCS TBA 500kV Sông Mây (23/12/2022); Đấu nối 220kV số 1 TBA 500kV Đức Hòa.
- DA được phê duyệt:
  - TKKT-BVTC: NCS TBA 220kV Đông Hà từ 2x125 MVA lên (125+250), lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Châu Đức, TBA 500kV Vĩnh Yên và đấu nối; lắp MBA thứ 2 TBA 220 kV Bá Thiện; Nâng công suất TBA 500kV Sông Mây;
  - BCNCKT: TBA 500kV Thanh Hóa, TBA 220kV Hàm Thuận Nam, TBA 220kV Hòa Bình và đấu nối, TBA 220kV Bình Mỹ và đấu nối, TBA 220kV Long Sơn và đấu nối, ĐD 220kV mạch kép đấu nối TBA 220kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD 220kV Cà Mau - Sóc Trăng, TBA 500kV Krông Buk.
- DA đã hoàn thành, chờ phê duyệt:
  - BCNCKT: TBA 500kV Tây Ninh 1 và đấu nối, TBA 500kV Long An, ĐD 220kV Thái Bình - Thanh Nghị, TBA 220kV Đất Đỏ, TBA 220kV Cái Bè và đấu nối, TBA 220kV Hồng Ngự, ĐD 220kV Hồng Ngự - Châu Đốc, TBA 220kV Phước Đông, ĐD 220kV Phước Đông - Tây Ninh 1, ĐD 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An;
  - TKKT: TBA 220kv Vũ Thư và đấu nối, TBA 220kV Lấp Vò và ĐD đấu nối Thốt Nốt - Lấp Vò.



- Các DA đã xong giai đoạn TKKT và đang thi công: ĐD 500kV Sông Hậu - Đức Hòa, ĐD 500kV Đức Hòa - Chơn Thành, TBA 220kV Năm Căn và ĐD 220kV Năm Căn - Cà Mau 2, TBA 220kV Định Quán và đấu nối, ĐD 500kV Ô Môn - Thốt Nốt, Mạch 2 đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mây, ĐD 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình, TBA 220kV Long Khánh và TBA 220kV KCN Nhơn Trạch, Đường dây Pleiku 2 - Krông Buk M2.

**d. Năng lượng tái tạo:**

- Lập BSQH cụm nhà máy ĐMT & ĐG Sao Mai 1&2 tại An Giang.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật & BVTC Hệ thống ĐMT áp mái nhà xưởng B2 tại Khu Công nghiệp - Cầu Cảng Phước Đông.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, dự toán và thiết kế bản vẽ thi công Hạng mục Nhà máy cho dự án Nhà máy ĐG Đông Thành 1.
- Lập hồ sơ phương án khảo sát để xin cấp phép khảo sát cho dự án Nhà máy ĐG Ngoài Khơi Xuyên Mộc.
- Khảo sát địa hình hạng mục đường thi công cho dự án Nhà máy ĐG Kon Plong - Kontum.
- Các Khách hàng chủ yếu là nhà đầu tư tư nhân.

**3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.**

**4. Tình hình tài chính**

**4.1. Tình hình tài chính**

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	328.188	269.461	-17,89
Doanh thu thuần	314.313	259.532	-17,43
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.014	23.204	-3,38
Lợi nhuận khác	1.177	399	-66,08
Lợi nhuận trước thuế	25.191	23.603	-6,30
Lợi nhuận sau thuế	20.146	19.886	-1,29
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	61,61%	57,43%	-6,78

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**



Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,02	1,21	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,92	1,00	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,62	0,47	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	1,63	0,90	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	10,54	6,60	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,95	0,93	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,45%	7,91%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	16,13%	14,00%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,14%	7,38%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,69%	9,24%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 9.517.303 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ, số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do.
- Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam:
  - + Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: đại diện 1.857.082 cổ phần, chiếm 19,51% vốn điều lệ;
  - + Ông Lạc Thái Phước: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;
  - + Ông Trần Quốc Điền: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ.

**5.2. Cơ cấu cổ đông**

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 95.173.030.000 đồng;
- Vốn Nhà nước (EVN): 46.427.040.000 đồng;
- Vốn cá nhân trong nước: 36.605.640.000 đồng;
- Vốn tổ chức trong nước: 58.335.970.000 đồng;
- Vốn nước ngoài: 231.420.000 đồng.

Họ tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
<b>Cá nhân</b>				
Ishizuka Yosuke	IS0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	322
Ong Kian Soon	IA2281	29B Clementi, Crescent S599542, Singapore	Singapore	11.500
Yamamoto Kenji	IS0692	4260-6 Shirasuka Kosai-shi Shizuoka, Japan	Japan	2.645
Yamazaki Atsushi	IS0469	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	280
<b>Tổ chức</b>				
FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	CA3202	9,12,14,15,17 FLOOR, ALMA LINK BUILDING, PLOENCHIT ROAD, LUMPINI, PATUWAN, BANGKOK 10330, THAILAND	Thailand	2.300
SCB Securities Company Limited	CA7408	No. 19 Tower 3, SCB Park Plaza, 2 <sup>nd</sup> Floor, 20 <sup>th</sup> -21 <sup>st</sup> Floor, Ruthchadapisek Road, Chatuchak Sub-District, Chatuchak District, Bangkok Metropolis	Thailand	6.095

- Cổ đông lớn:
  - + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 4.642.704 cổ phần (48,78%)
  - + Công ty TNHH VP INVEST: 1.190.480 cổ phần (12,51%)
  - + Ông Trần Quốc Điền: 533.550 cổ phần (5,61%)

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2022 tăng từ 82.760.800.000 đồng lên thành 95.173.030.000 đồng sau khi phát hành 1.241.223 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2021.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch.

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có.



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng phòng ban làm việc, từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

### 6.3. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước TP. Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 2.400 m<sup>3</sup>. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt, do đó không có nước được tái sử dụng.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ)

#### a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với NLĐ

- Số người lao động tính đến 31/12/2022: 449 người.
- Mức lương trung bình của NLĐ năm 2022: 20.260.000đ/người/tháng.

#### b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ

- Công ty đã xây dựng nội quy an toàn vệ sinh lao động, quy trình PCCN với đầy đủ các nội dung quy định và được treo tại các vị trí làm việc.
- Hàng năm, Công ty định kỳ mời các đơn vị có chức năng chuyên môn đến đo đạc, giám sát điều kiện môi trường làm việc. Các thông số đo môi trường làm việc tại Công ty đều đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn, đảm bảo sức khỏe làm việc lâu dài cho NLĐ.



- Công ty đã trang bị tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Trang bị túi cấp cứu cho các đội công tác ở công trường. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng đã xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 dần được kiểm soát, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần cho NLĐ, tỷ lệ khám đạt 99,1% với tổng chi phí: 600.204.400 đồng. Chi phí cho công tác phòng chống dịch bệnh là 68.952.000 đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.

**c. Hoạt động đào tạo NLĐ**

- Năm 2022, Công ty tập trung vào công tác đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ Chủ nhiệm dự án, nâng cao năng lực tư vấn của Công ty để phục vụ đa dạng khách hàng, đồng thời thường xuyên tổ chức, cử CBCNV tham dự các khóa đào tạo bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.
- Tổng cộng có 99 chương trình gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn đã được triển khai. Tổng số lượt người được đào tạo là 557 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo cán bộ quản lý	15	24
II	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên	224	37
III	Đào tạo nội bộ	318	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>557</b>	

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Hướng ứng kêu gọi của EVN đóng góp Quỹ Tương trợ xã hội, mỗi lao động của Công ty đã đóng góp 01 ngày lương, với tổng số tiền quyên góp được là 60.826.700 đồng;
- Nhận nuôi dưỡng, bảo trợ 03 trẻ mồ côi sau đại dịch Covid-19 cho đến khi các em đủ 18 tuổi, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa to lớn, đã tiếp thêm động lực cho các trẻ bị mồ côi do đại dịch Covid-19 tiếp tục đến trường;



- Ủng hộ vật chất, nhu yếu phẩm cho lực lượng vũ trang tham gia phòng, chống dịch Covid-19 tại ký túc xá ĐHQG TP.HCM và trên địa bàn Quận 3 với số tiền là 25.000.000 đồng;
- Ủng hộ gây quỹ “nghĩa tình đồng đội” nhân kỷ niệm 33 năm ngày thành lập Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam (06/12/1989 - 06/12/2022) và kỷ niệm 78 năm Ngày thành lập Quân đội Nhân Dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2022) của Hội cựu chiến binh Quận 3, TP.HCM với số tiền là 5.000.000 đồng;
- Ủng hộ kinh phí thăm cán bộ Thành Đoàn Tết Quý Mão năm 2023 trên địa bàn huyện Củ Chi, TP.HCM và huyện Cần Đức, tỉnh Long An với số tiền là 3.500.000 đồng;
- Hưởng ứng “Tuần lễ hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát động, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã phát động chương trình “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” với tinh thần “Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại” vào ngày 12/12/2022. Tổng cộng có 69 lượt CBCNV đã tham gia hiến máu nhân đạo.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra bởi các nguyên nhân:

- Thuận lợi:
  - + Thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường nội địa lẫn quốc tế.
  - + Đội ngũ kỹ sư và chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, làm việc trong các lĩnh vực tạo ra nhiều thế mạnh cho Công ty.
- Khó khăn:
  - + Tổng sơ đồ quy hoạch 8 chưa được duyệt để làm cơ sở triển khai đầu tư hàng loạt các dự án nguồn và lưới điện theo kế hoạch.
  - + Thay đổi thủ tục đầu tư: giai đoạn lập BCNCKT phải làm bổ sung thủ tục xin chấp thuận chủ trương đầu tư. Thủ tục này rất mất nhiều thời gian, nhất là các dự án đi qua 2 tỉnh thành phải thông qua ít nhất 12 Bộ ngành và địa phương. Do đó nhiều dự án của Công ty thực hiện hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt BCNCKT, làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty so với kế hoạch.
  - + Chính sách, cơ chế triển khai NLTT theo NQ 55-NQ/TW của Trung ương Đảng đầu đó vẫn chưa được triển khai đồng bộ để khai thông, thu hút các Nhà đầu tư sau khi các chính sách hỗ trợ phát triển NLTT hết hiệu lực, quy hoạch không gian biển vẫn chưa có, giá mua bán điện, cơ chế đấu thầu Nhà đầu tư, giá điện vẫn chưa được ban hành làm chậm tiến độ đầu tư các dự án tư NLTT.
  - + Theo Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 143/QĐ-HĐTV ngày 26/11/2021 thì các dự án cần phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án. Quy chế này lần đầu áp dụng





nên có nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai dẫn đến các dự án sau thiết kế cơ sở được phê duyệt trong năm đến nay vẫn chưa thực hiện công tác đấu thầu để ký kết hợp đồng triển khai tiếp các công tác chuẩn bị đầu tư tiếp theo.

- + Các công ty tư vấn ít việc nên ra sức cạnh tranh khốc liệt, thậm chí phá giá nhằm mục đích có việc làm, duy trì hoạt động của doanh nghiệp.
- + Khung giá phát điện cho các nhà máy điện gió, điện mặt trời đến nay vẫn chưa được ban hành nên rất khó khăn trong công tác tìm kiếm hợp đồng.

Việc TSD8 chưa được phê duyệt gây bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty xác định đây là khó khăn chung của ngành điện. Công ty đã cố gắng chủ động tìm kiếm nhiều các công việc thay thế khác từ các nhà đầu tư trong và ngoài ngành điện như: Hợp đồng EPC lưới điện, giám sát thi công, thẩm tra, tư vấn thiết kế các dự án NLTT độc lập không đấu nối vào lưới điện quốc gia, quan trắc chuyển dịch các Nhà máy thủy điện, đánh giá bồi lắng lòng hồ, xin giấy phép khảo sát điện gió ngoài khơi, nghiên cứu khí Hydrogen... Tuy những công tác này chưa thể bù đắp hết kế hoạch doanh thu của Công ty như kỳ vọng nhưng cũng tạo ra niềm tin và động lực cho toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của mình trong năm 2022 và tiếp tục phấn đấu hoàn thành trong năm 2023.

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022:

DVT: tỷ đồng

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt
Doanh thu	350	259,5	74%
Hợp đồng	386	169,2	44%
Mua sắm tài sản	9	0,98	11%
Lợi nhuận	26	23,6	91%

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	100-BCĐKT	<b>207.663.131.412</b>	<b>153.815.229.889</b>	<b>(53.847.901.523)</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	35.993.379.842	17.305.776.510	(18.687.603.332)
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	4.220.790.000	220.790.000	(4.000.000.000)
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	145.823.027.905	108.394.593.134	(37.428.434.771)
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(24.316.373.229)	(30.321.126.434)	(6.004.753.205)
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	21.144.383.118	26.546.339.757	5.401.956.639
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	481.550.547	1.347.730.488	866.179.941



Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	200-BCĐKT	<b>120.525.215.082</b>	<b>115.646.141.003</b>	<b>(4.879.074.079)</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	43.292.927.499	42.311.651.884	(981.275.615)
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	19.863.262.617	17.003.447.583	(2.859.815.034)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>10.432.712.360</i>	<i>8.409.174.876</i>	<i>(2.023.537.484)</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>	-	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>9.430.550.257</i>	<i>8.594.272.707</i>	<i>(836.277.550)</i>
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	162.000.000	291.600.000	129.600.000
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	53.150.000.000	53.150.000.000	-
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	4.057.024.966	2.889.441.536	(1.167.583.430)
<b>III. Nợ phải trả</b>	300-BCĐKT	<b>203.299.350.197</b>	<b>127.412.651.562</b>	<b>(75.886.698.635)</b>
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	203.299.350.197	127.412.651.562	(75.886.698.635)
Trong đó : Nợ quá hạn		-	-	-
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT	-	-	-
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	400-BCĐKT	<b>124.888.996.297</b>	<b>142.048.719.330</b>	<b>17.159.723.033</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	124.888.996.297	142.048.719.330	17.159.723.033
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>82.760.800.000</i>	<i>95.173.030.000</i>	<i>12.412.230.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	-	-	-

## 2.2. Tình hình tài sản, nợ phải trả

- Tổng tài sản của Công ty biến động giảm 17,89% so với năm trước chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn năm nay giảm so với năm trước. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay giảm so với năm trước do khó khăn chung của ngành điện và Tổng sơ đồ quy hoạch 8 chưa được phê duyệt và các cơ chế chính sách đối với năng lượng tái tạo chưa ban hành làm ảnh hưởng đến việc phê duyệt dự án để triển khai các bước tiếp theo và tìm kiếm hợp đồng mới.

- Tình nợ phải trả: Tình hình Nợ phải trả trong năm 2022 biến động giảm 37,33% so với năm trước chủ yếu các khoản phải trả người lao động giảm so với cùng kỳ.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### 3.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu

- Tiếp tục triển khai đồng bộ hệ thống KPIs tới các cấp.
- Tiếp tục áp dụng nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



### 3.2. Công tác nâng cao năng lực quản trị và đào tạo nguồn nhân lực

- Công ty tập trung thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022, mục tiêu: nâng cao năng lực cho đội ngũ Chủ nhiệm dự án; nâng cao năng lực tư vấn của Công ty để phục vụ đa dạng khách hàng.
- Những thành quả đạt được:
  - + Cán bộ quản lý được quy hoạch tham gia khóa đào tạo theo chương trình chuẩn của EVN, chất lượng cao, phù hợp với cán bộ diện quy hoạch.
  - + Tiết kiệm chi phí: khi triển khai chương trình đào tạo, P.TC&NS đã khai thác các chương trình đào tạo của EVN, đào tạo On Job Training (OJT), đặc biệt là các khóa học trên E-learning nên đã giúp tiết giảm chi phí. Mặt khác, các khóa học bổ sung chuyên môn dành cho kỹ sư thiết kế, nhân sự chủ trì - chủ nhiệm thiết kế vẫn được tổ chức.
  - + Xây dựng 02 khóa đào tạo E-learning, đóng góp vào kho tài liệu học của EVN.
  - + Nâng cao năng lực tư vấn của Công ty: đã bổ sung các năng lực sau:
    - Chứng chỉ hành nghề thiết kế, giám sát và thi công đối với hạng mục công trình PCCC cho 04 cá nhân (trước đây chỉ có 02 CCHN cá nhân về thiết kế PCCC);
    - Năng lực thiết kế, giám sát thi công công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của Công ty;
    - Năng lực thi công và lắp đặt thiết bị công trình điện 110kV hạng 2 của Công ty;
    - Năng lực quy hoạch dự án hạng 2 của Công ty;
    - Năng lực hành nghề tổ chức: thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình dân dụng, công trình giao thông.

### 3.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến

- Trang bị các phần mềm cho các đơn vị theo Kế hoạch trang bị bản quyền phần mềm trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến: có năm (05) đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài “Nghiên cứu tính toán lan truyền tiếng ồn và độ nhấp nháy từ các trụ turbine gió và mô phỏng tác động đến các khu vực xung quanh”, 04 đề tài còn lại tập trung nghiên cứu triển khai thiết kế BIM như: CDE trong giai đoạn thi công; Phân tích mô hình kết cấu nhà điều khiển của trạm biến áp 220kV trong phần mềm Revit; BIM 5D (3D+dự toán) ứng dụng cụ thể cho dự án TBA 220kV Chân Mây và ĐN; Ứng dụng Dynamo vẽ thiết kế tự động dây dẫn, dây chống sét, bố trí vật tư phụ kiện đường dây trên phần mềm Autodesk Revit.
- Đối với công tác thiết kế, với mục tiêu nghiên cứu và triển khai thực hiện tiến tới thiết kế BIM hoàn toàn, Công ty đã giao các đơn vị thiết kế thực hiện thiết kế BIM cho các dự án cụ thể: TBA 220kV Lạng Giang, TBA 110kV Lego, TBA 220kV Đồng



Mỏ, Trạm 110kV Cầu Tràm (Phước Lý), Trạm 220kV Lấp Vò và ĐD Thốt Nốt - Lấp Vò, Trạm 110kV Du Long, Nhà máy điện gió số 18 - Hạng mục Khu nhà quản lý vận hành, TBA 220kV Phú Quốc, Nhà máy thủy điện Sông Giang 1, Ứng dụng BIM - 5D thiết kế cho hạng mục nhà bơm nước làm mát nhà máy nhiệt điện.

- Sáng kiến cải tiến: năm 2022, Công ty đã công nhận 73/tổng số 78 sáng kiến đăng ký của đơn vị, cá nhân trong Công ty. Bên cạnh những sáng kiến mới, thiết thực, một số sáng kiến khi áp dụng thực tiễn chưa mang lại hiệu quả trong sản xuất và vận hành của Công ty. Trong Quy chế quản lý hoạt động khoa học & công nghệ ban hành 30/11/2022 đã nêu hoạt động NCKH & SKCT phải phù hợp với đổi mới sáng tạo. Công ty sẽ định hướng và xem xét các đăng ký hàng quý để thưởng các sáng kiến thật sự thiết thực, mang lại lợi ích sẽ được Công ty.

#### **3.4. Công tác truyền thông, tiếp thị**

- Công tác tiếp thị: thực hiện theo đúng kế hoạch tiếp thị hiệu chỉnh được duyệt.
- Công tác truyền thông: đã thực hiện truyền thông đầy đủ trên các kênh và tạo ra kết quả như:
  - + 27 bài viết website;
  - + Đăng 13 bài trên LinkedIn và 32 bài trên Facebook, đạt trung bình tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái là 176,32%.
- Công tác tiếp cận khách hàng tiềm năng: thông qua các hội thảo, nhất là các hội thảo do PECC3 làm diễn giả, thông qua các cơ quan ban ngành như Đại sứ quán/Lãnh sự quán, Sở công thương, UBND các tỉnh,...

#### **3.5. Cải tiến hệ thống Quy chế, Quy trình, Quy định trong công tác quản lý**

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của Công ty diễn ra phù hợp với xu thế chung của ngành, như: áp dụng D-Office, chữ ký số; gửi các số liệu, các báo cáo cho các bên liên quan bằng file điện tử; xử lý công việc qua email và các công cụ hỗ trợ của hệ thống mạng xã hội hiện đại.
- Hệ thống Quy chế quản lý nội bộ: Công ty đã triển khai rà soát tất cả quy chế, quy định hiện hữu đang áp dụng và vận hành tại PECC3 trong các lĩnh vực bao gồm cả quản lý và sản xuất với kết quả như sau:
  - + Đã hoàn thành: 30/35 QCQLNB;
  - + Đang thực hiện: 05 QCQLNB, trong đó các quy chế đã hoàn thành dự thảo và gửi góp ý trong nội bộ Công ty và đang hoàn thiện để phát hành.
- Hiện tại Công ty đang duy trì và áp dụng 02 hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 27001:2013.

#### **3.6. Công tác chuyển đổi số (CĐS)**

- Từ đầu năm 2022, PECC3 đã ban hành kế hoạch Chuyển đổi số và kế hoạch Cải cách hành chính - văn phòng số và tài liệu lưu trữ năm 2022 và được cụ thể trong hệ thống BSC/KPI của Công ty và các đơn vị năm 2022.



- Hoạt động truyền thông, đào tạo nhận thức về CDS được Công ty chú trọng và tổ chức một cách mạnh mẽ, bao gồm các sự kiện như: đào tạo về nhận thức CDS, khảo sát nhu cầu CDS trong Công ty, tọa đàm, đối thoại về công tác CDS... với sự tham gia đồng đạo của NLĐ trong Công ty.
- Đối với công tác Chuyển đổi số trong lĩnh vực quản trị, Công ty đang từng bước triển khai ERP - Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp; trong đó giai đoạn 1: triển khai phân hệ Quản lý dự án (ERP - PMS) và đã đưa vào sử dụng tháng 07/2022. Công tác CDS trong lĩnh vực sản xuất, Công ty tập trung vào BIM như triển khai thiết kế 3D cho đường dây truyền tải điện; Triển khai thiết kế BIM cho Trạm biến áp; Khảo sát toàn bộ các công trình đường dây bằng phương pháp truyền thống kết hợp UAV...
- Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng lộ trình CDS đến 2025, từng bước hoàn thiện sổ tay, tài liệu hướng dẫn về CDS, tạo sự chuyển biến tích cực trong hệ thống, giúp đẩy nhanh tiến trình CDS trong Công ty, bắt nhịp được tiến trình CDS của EVN và các bộ ngành...

### **3.7. Các hoạt động khác như VHDN, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ**

- Thực hiện các chính sách xã hội: Bên cạnh các hoạt động thường xuyên do Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức, năm 2022 Công ty đã nhận nuôi dưỡng, bảo trợ 03 trẻ mồ côi sau đại dịch Covid-19 cho đến khi các em đủ 18 tuổi, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa to lớn, đã tiếp thêm động lực cho các trẻ bị mồ côi do đại dịch Covid-19 tiếp tục đến trường.
- Công tác an toàn trong lao động sản xuất: Phối hợp với cơ quan PCCC tổ chức kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy, tập huấn cho NLĐ nâng cao nhận thức phòng chống cháy nổ và kỹ năng dập cháy.
- Các hoạt động về nguồn, sinh hoạt nữ công, nghỉ mát:
  - + Tổ chức 02 chuyến về nguồn: Thăm đền thờ Gạc Ma và tưởng niệm 64 liệt sĩ hy sinh tại đảo Gạc Ma; Thăm và tổ chức Lễ kết nạp đảng viên mới tại Điện Biên Phủ.
  - + Lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện cho Ban Nữ công tổ chức thực hiện: tham gia phong trào “Phụ nữ hai giỏi”, “Phụ nữ sáng tạo” đối với Công đoàn Điện lực Việt Nam; tổ chức cho chị em phụ nữ tham quan tại Phú Quốc nhân ngày 08/3; họp mặt nhân ngày truyền thống Phụ nữ 20/10. Các hoạt động này không chỉ nhằm tôn vinh sự đóng góp của NLĐ nữ trong Công ty mà còn khuyến khích chị em mạnh dạn tham gia các hoạt động của Công ty vì sự tiến bộ của Phụ nữ.
  - + Năm 2022 với rất nhiều khó khăn, việc thu xếp tài chính để không làm gián đoạn các hoạt động sản xuất kinh doanh là một thách thức lớn đối với Công ty. Ban Lãnh đạo cùng với các đơn vị tham mưu đã tìm mọi giải pháp để tiết giảm



chi phí và cân đối dòng tiền mặc dù có thời điểm Công ty phải đi vay để trả lương. Tuy nhiên Ban lãnh đạo vẫn ưu tiên sắp xếp cho NLĐ tham gia chương trình nghỉ mát năm và đặc biệt là tạo cơ chế để các đơn vị tự tổ chức. Đây là sự quyết tâm và nỗ lực rất lớn của Ban Lãnh đạo để mang lại phúc lợi tốt nhất cho NLĐ trong 1 năm khó khăn vừa qua.

- Thực hiện các chính sách liên quan tới NLĐ: trong bối cảnh có rất nhiều doanh nghiệp khó khăn buộc phải cắt giảm nhân sự, nhưng Công ty vẫn cố gắng đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, cân đối nguồn thu chi để đảm bảo trả lương đúng hạn cho NLĐ đúng kỳ hạn 2 lần/tháng.
- Ngoài ra, vẫn đảm bảo thực hiện các chính sách khác liên quan tới người lao động: chính sách bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn 24h cho NLĐ; khám sức khỏe định kỳ; Hội thao truyền thống năm 2022; thăm hỏi NLĐ ốm đau, tang chế; đánh giá và đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh; duy trì nhà ăn tại Công ty đảm bảo vệ sinh, an toàn và tiện lợi cho NLĐ; khen thưởng cho con của NLĐ đạt thành tích xuất sắc trong học tập; khử khuẩn phòng ngừa dịch Covid-19 và sốt xuất huyết,...

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

##### **4.1. Mục tiêu năm 2023**

- Doanh thu tăng trưởng trên 10%, lợi nhuận trước thuế tăng trên 8% so với 2022.
- Liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng trên nền tảng Chuyển đổi số, Quản trị rủi ro và An toàn thông tin.
- Xây dựng hệ thống chiến lược.

##### **4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023**

- Kế hoạch doanh thu: 285 tỷ đồng, tăng trưởng 10%.
- Kế hoạch giá trị ký Hợp đồng: 300 tỷ đồng.
- Kế hoạch trang bị tài sản cố định: 07 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư: Nghiên cứu đầu tư có chọn lọc một số dự án, công việc, nghiệp vụ để mang lại giá trị gia tăng cho doanh thu hoạt động tài chính.
- Lợi nhuận: Doanh thu đạt 285 tỷ đồng thì lợi nhuận đạt 26 tỷ đồng.

##### **4.3. Các giải pháp thực hiện**

###### **a. Doanh thu đạt 285 tỷ, lợi nhuận đạt 26 tỷ**

- Hoàn thiện BCNCKT và TKKT các dự án đã và đang trình thẩm định để sớm được phê duyệt.
- Sớm triển khai các thủ tục để ký hợp đồng để lập TKKT+ BVTC các dự án duyệt BCNCKT trong năm 2022.
- Xem xét thực hiện tham gia công tác giám sát xây dựng các dự án lưới điện của Ban QLDA các công trình điện miền Bắc, Ban QLDA Truyền tải điện Quốc gia và đặc biệt giám thi công Thủy điện tích năng Bắc Ái.
- Tập trung nhân lực thực hiện và quản lý gói thầu EPC.



- Rà soát điều chỉnh kế hoạch chi phí các đơn vị phù hợp với doanh thu năm có thể đạt được.
- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí các đơn vị trên cơ sở sử dụng chi phí hiệu quả.
- Phối hợp các đơn vị trong việc đôn đốc thu tiền khách hàng.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án.
- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định phục vụ việc quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

**b. Kế hoạch giá trị ký Hợp đồng năm 2023**

- Cần đẩy nhanh tiến độ các dự án đã có chủ trương đầu tư sớm phê duyệt BCNCKT, chuyển sang giai đoạn TKKT, TKBVTC.
- Tập trung nhân lực thực hiện tìm kiếm các hợp đồng EPC.
- Nghiên cứu và phát triển thêm những sản phẩm mới Điện gió ngoài khơi, BESS, Hydrogen, để phục vụ khách hàng ngày càng đa dạng hơn và tăng thêm nguồn thu cho Công ty.
- Triển khai tham gia công tác nghiên cứu khoa học có kinh phí của các khách hàng như EVN, PVN.
- Các đơn vị chủ động phối hợp kết nối với KHKD để báo giá cho khách hàng, tránh rủi ro trong nhận định và đánh giá uy tín của Khách hàng, đặc biệt là khách hàng tư nhân.

**c. Đầu tư xây dựng và góp vốn**

- Nghiên cứu đầu tư có chọn lọc một số dự án, công việc, nghiệp vụ để mang lại giá trị gia tăng cho doanh thu hoạt động tài chính.

**d. Mua sắm tài sản cố định**

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2023 là: 07 tỷ đồng.

**e. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ**

- Công ty tiếp tục hoàn thiện Hệ thống QCQLNB cho năm 2023 để đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong SXKD và quy định pháp luật.
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015: tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống.
- Hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27000:2013: năm 2023 chuẩn bị cho công tác đánh giá tái chứng nhận và nâng cấp lên phiên bản ISO 27000:2022.

**f. Công tác chuyển đổi số**

- Tiếp tục rà soát & hiệu chỉnh chiến lược CDS giai đoạn 2023-2025, xây dựng cơ chế - chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, chia sẻ tri thức.
- Xác định - lựa chọn những giá trị văn hóa số cần xây dựng, triển khai các chương trình truyền thông - đào tạo, xây dựng bộ quy tắc ứng xử kỹ thuật số...
- Tiếp tục đào tạo để ứng dụng hiệu quả các công cụ, phần mềm và hạ tầng đang có. Triển khai áp dụng tính năng quản lý hiệu suất, quản lý chất lượng trên nền tảng ERP-PMS đã triển khai.



- Tập trung vào công tác số hoá cho từng bộ phận, từng mảng nghiệp vụ. Hình thành không gian làm việc số (digital workplace) đáp ứng trên 50% nghiệp vụ tại văn phòng.
- Cải tiến chương trình thư viện điện tử.
- Mở rộng các kênh chăm sóc khách hàng, tăng tương tác với khách hàng qua các kênh số và tích hợp vào CRM.
- Tích hợp CRM đến các module quản lý khác (Kế toán, PMS...).
- Duy trì và cải tiến hệ thống An toàn thông tin theo ISO 27001, nâng cấp thành phiên bản ISO 27001:2022.
- Triển khai áp dụng BIM cho 100% công trình lưới. Nghiên cứu triển khai BIM các hạng mục dự án nguồn điện.
- Nghiên cứu áp dụng BIM / CDE trong giai đoạn giám sát thi công (4D,5D).

#### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề NLD: Công ty tổ chức lấy ý kiến các vấn đề liên quan đến NLD tuân thủ theo Luật định, hàng năm Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức Hội nghị Người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của NLD. Công ty luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, phúc lợi nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho NLD.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2022 là năm hoạt động thứ 15 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

- Thuận lợi:
  - + Năm 2022 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2021, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
  - + Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết, đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ,





kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành các dự án.

- Khó khăn:

- + Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc dẫn tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty...
- + Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong Công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

- Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của các kết quả trong năm 2022.
- Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Kế hoạch công tác: Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính, với các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2023.
- Các hoạt động khác: giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.
- Biện pháp thực hiện:
  - + Duy trì các hoạt động của Hội đồng quản trị và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
  - + Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho Công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty.
  - + Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.



## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông **Thái Tuấn Tài**: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 11 tháng 5 năm 1962;
  - + Quê quán: tỉnh Long An;
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Mạng và Hệ thống điện;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ 2020 đến tháng 06/2022: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2009 đến 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 1999 đến tháng 04/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện TT. Năng lượng;
    - Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 19,51%;
  - Sở hữu: 3,77%.
- Ông **Nguyễn Như Hoàng Tuấn**: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Bỏ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1973;
  - + Quê quán: tỉnh Thừa Thiên Huế;
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 04/2020 đến 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị, Thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;



- Từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2020: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân (nay là Trung tâm Nhiệt điện & Năng lượng mới), Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2017: Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 08/2014 đến tháng 12/2014: Phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2013 đến tháng 07/2014: Trưởng phòng Nhiệt điện & Điện hạt nhân, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2013: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2006 đến tháng 01/2009: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 07/2002 đến tháng 06/2006: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/2000 đến tháng 06/2002: Kỹ sư điện phòng Dự án lưới, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 11/1996 đến tháng 12/1999: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
- Đại diện phần vốn của EVN: 19,51%;
  - Sở hữu: 0,054%.
- Ông **Nguyễn Phú Gia**: Thành viên Hội đồng quản trị  
(Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
- + Sinh ngày 20 tháng 02 năm 1955;
  - + Nơi sinh: TP. Hà Nội;
  - + Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Nhiệt lò hơi.
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ 2015 đến tháng 06/2022: Cán bộ hưu trí, Thành viên HĐQT Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2002 đến 2015: Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;
    - Từ 1997 đến 2002: Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;
    - Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Nhiệt điện - Viện Năng lượng;
    - Từ 1988 đến 1996: Phòng Nhiệt điện - Viện Năng lượng;
    - Từ 1983 đến 1988: Trung tâm Thí nghiệm điện Hà Nội.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,23%.



- Ông **Nguyễn Ngọc Kế**: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị  
(Miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày: 08 tháng 8 năm 1948;
  - + Nơi sinh: tỉnh Bình Định;
  - + Học vị: Kỹ sư điện;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ 2019 đến tháng 06/2022: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2008: nghỉ hưu, làm Chuyên gia tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2007 đến 2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 2002 đến 2007: Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 1999 đến 2002: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ 1993 đến 1999: Phó Giám đốc Trung tâm Năng lượng;
    - Từ 1986 đến 1993: Trung tâm Năng lượng, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam;
    - Từ 1976 đến 1986: Công ty Điện lực miền Nam;
    - Từ 1975 đến 1976: Xí nghiệp xây lắp điện 2, Công ty xây lắp điện 2.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,157%.
- Ông **Lạc Thái Phước**: Thành viên Hội đồng quản trị  
(Bỏ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
  - + Quê quán: tỉnh Vĩnh Long;
  - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 04/2003 đến tháng 04/2022: Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1999 đến tháng 04/2003: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1989 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Thiết kế trạm, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 0,075%.



- Ông **Trần Quốc Điền**: Phó Tổng Giám đốc  
(Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;
  - + Quê quán: tỉnh Thừa Thiên Huế;
  - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 06/2001 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 10/1999 đến tháng 05/2001: Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 04/1999 đến tháng 09/1999: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
    - Từ tháng 08/1996 đến tháng 03/1999: Tổ trưởng phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh;
    - Từ tháng 06/1995 đến tháng 08/1996: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022):
  - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
  - Sở hữu: 5,606%.
- Ông **Trần Lê Minh**: Thành viên Hội đồng quản trị  
(Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
  - + Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;
  - + Quê quán: tỉnh Quảng Ngãi;
  - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
  - + Quốc tịch: Việt Nam;
  - + Quá trình công tác:
    - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
    - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;



- Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2009: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ tháng 01/1991 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0,071%.
- Ông **Võ Văn Phương**: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị  
(*Bổ nhiệm từ ngày 24 tháng 6 năm 2022*)
- + Sinh ngày 18 tháng 09 năm 1982;
- + Quê quán: tỉnh Quảng Ngãi;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô, Tư vấn đầu tư tài chính;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
- Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
  - Từ năm 2011 đến nay: Giám đốc kinh doanh - Giám đốc Tư vấn đầu tư, Công ty Chứng khoán VPS;
  - Từ năm 2008 đến năm 2010: Chuyên viên kinh doanh, Công ty quản lý Quỹ Prudential;
  - Từ năm 2006 đến năm 2008: Chuyên viên quản lý dự án, Tập đoàn Hoa Sen.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3 (ngày đăng ký cuối cùng 07/10/2022): 0%.
- Ông Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.
- + Điện thoại: 0963 911 865
- + Email: [longnv@pecc3.com.vn](mailto:longnv@pecc3.com.vn)

**1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Không có.

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

**a. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:** Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các Trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

**b. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên HĐQT**

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	05/05	100%	Ngày 24/6/2022 được miễn nhiệm
2	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	15/15	100%	
3	Ông Nguyễn Phú Gia	05/05	100%	Ngày 24/6/2022 được miễn nhiệm
4	Ông Nguyễn Ngọc Kế	05/05	100%	Ngày 24/6/2022 được miễn nhiệm
5	Ông Lạc Thái Phước	10/10	100%	Ngày 24/6/2022 được bổ nhiệm
6	Ông Trần Quốc Điền	10/10	100%	Ngày 24/6/2022 được bổ nhiệm
7	Ông Trần Lê Minh	10/10	100%	Ngày 24/6/2022 được bổ nhiệm
8	Ông Võ Văn Phương	10/10	100%	Ngày 24/6/2022 được bổ nhiệm

**c. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
1	002/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	06/01/2022	<p><b>Điều 1.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết quả SXKD năm 2021: Thống nhất như báo cáo của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có báo cáo kiểm toán;</li> <li>• Kế hoạch SXKD năm 2022: Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ủy quyền cho Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch mua sắm công cụ dụng cụ cho năm 2022.</li> </ul> <p><b>Điều 2.</b> Thông qua đơn giá tiền lương năm 2022.</p> <p><b>Điều 3.</b> Công ty dự kiến tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 08 tháng 4 năm 2022.</p>	100%



TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p><b>Điều 4.</b> Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 trên cơ sở các ý kiến góp ý của các Thành viên HĐQT.</p> <p><b>Điều 5.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• HĐQT giới thiệu đề cử để bổ nhiệm Ông Trần Quốc Điền - Phó Tổng Giám đốc, là Người đại diện vốn của EVN tại EVNPECC3;</li><li>• HĐQT giới thiệu đề cử để bổ nhiệm Ông Lạc Thái Phước - Trưởng phòng Thiết kế Trạm, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác tư vấn lưới điện.</li></ul>	
2	043/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	17/3/2022	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất dời ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 từ ngày 08 tháng 4 năm 2022 đến ngày thích hợp. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn và định ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Nhà nước.</p>	100%
3	065/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	25/4/2022	<p><b>Điều 1.</b> Quyết toán quỹ tiền lương năm 2021.</p>	100%
4	066/NQ-HĐQT (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	26/4/2022	<p><b>Điều 1.</b> Dời ngày họp ĐHĐCĐ thường niên từ ngày 29 tháng 4 năm 2022 đến tháng 6 năm 2022.</p> <p><b>Điều 2.</b> Hủy danh sách người sở hữu chứng khoán được lập vào ngày đăng ký cuối cùng, ngày 16 tháng 3 năm 2022.</p> <p><b>Điều 3.</b> Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng và định ngày họp ĐHĐCĐ thường niên cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định.</p>	100%
5	090/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	03/6/2022	<p><b>Điều 1.</b> Thông qua chương trình, các báo cáo, các tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p><b>Điều 2.</b> Thông qua các Quy chế quản lý nội bộ.</p> <p><b>Điều 3.</b> Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Long giữ chức vụ Người phụ trách quản trị</p>	100%





TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.	
6	110/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	24/6/2022	<p><b>Điều 1.</b> Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Tổng Giám đốc, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 nhiệm kỳ 2022-2027.</p> <p><b>Điều 2.</b> Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p><b>Điều 3.</b> Giao ông Lạc Thái Phước - Phó Tổng Giám đốc thực hiện quyền Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 cho đến khi Hội đồng quản trị công ty có quyết định kiện toàn chức danh Tổng Giám đốc công ty.</p>	100%
7	125/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	27/6/2022	<p><b>Điều 1.</b> Giao cho ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.</p>	100%
8	140/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III)	15/7/2022	<p><b>Điều 1.</b> Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch triển khai kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2022.</p> <p><b>Điều 2.</b> Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty theo tờ trình số 04/TV3-BKS ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ban Kiểm soát.</p> <p><b>Điều 3.</b> Thống nhất ban hành “Quy chế quản lý, đầu tư vốn và Người đại diện phần vốn của PECC3 tại Công ty con, Công ty liên kết” và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký quyết định ban hành Quy chế này.</p> <p><b>Điều 4.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Đề cử để bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng - Trưởng phòng Thiết kế Đường dây</li></ul>	100%



TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>vào chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bổ nhiệm ông Phan Bách Khoa - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Nhiệt điện và năng lượng mới giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và năng lượng mới kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.</li> <li>• Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Quốc Hoan - Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện giữ chức Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp khảo sát và xây dựng điện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.</li> </ul>	
9	156/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	04/8/2022	<p><b>Điều 1.</b> Thống nhất chủ trương việc thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Thủy điện miền Trung với các nội dung như sau:</p> <p>a) Phương thức thực hiện thoái vốn: Theo hợp đồng ủy quyền cho EVNSPC thực hiện việc chuyển nhượng vốn đầu tư tại CHP;</p> <p>b) Số lượng cổ phiếu thoái vốn: 53.379 cổ phiếu;</p> <p>c) Giá trị sổ sách đầu tư: 220.790.000 đồng;</p> <p>d) Giá thoái vốn: Công ty sẽ trình HĐQT xem xét trên cơ sở chứng thư thẩm định giá của đơn vị tư vấn.</p> <p><b>Điều 2.</b> Thống nhất việc ủy quyền cho quyền Tổng Giám đốc thực hiện việc vay nợ, các khoản thế chấp đảm bảo, bảo lãnh với giá trị nhỏ hơn 35% giá trị tổng tài sản Công ty được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất. Thời hạn ủy quyền đến năm 2027 hoặc có văn bản khác thay thế.</p>	100%
10	166/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	23/8/2022	<p><b>Điều 1.</b> Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.</p> <p><b>Điều 2.</b> Hội đồng quản trị giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực</p>	100%



TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	
11	178/NQ-HĐQT (Họp HĐQT bất thường)	29/8/2022	<b>Điều 1.</b> Bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng - Trưởng phòng Thiết kế Đường dây, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2022.	100%
12	195/NQ-HĐQT- PECC3 (Họp HĐQT bất thường)	19/9/2022	<b>Điều 1.</b> Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu.	100%
13	207/NQ-HĐQT- TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV)	06/10/2022	<b>Điều 1.</b> Ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện SXKD 3 tháng cuối năm 2022 với các chỉ tiêu như sau: a) Kết quả thực hiện kế hoạch 9 tháng đầu năm 2022: - Doanh thu thực hiện: 166,29 tỷ đồng đạt 76,59% kế hoạch 9 tháng đầu năm 2022, đạt 46,57% kế hoạch năm 2022; - Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản 9 tháng đầu năm 2022; - Mua sắm tài sản: kế hoạch năm 2022: 9 tỷ đồng, thực hiện: 542 triệu đồng, đạt 6,02% kế hoạch năm 2022; - Đầu tư góp vốn 9 tháng đầu năm 2022: không có; - Lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2022: ước đạt 13 tỷ/26 tỷ, đạt 50% kế hoạch năm. b) Kế hoạch các tháng cuối năm 2022: - Doanh thu quý IV: 141,66 tỷ đồng; - Lợi nhuận quý IV: 9 tỷ đồng; - Đầu tư góp vốn: không đầu tư góp vốn.	100%
14	224/NQ-HĐQT- TV3 (Họp HĐQT bất thường)	03/11/2022	<b>Điều 1.</b> Tăng Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 từ 82.760.800.000 đồng lên thành 95.173.030.000 đồng. <b>Điều 2.</b> Sửa đổi số vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ	100%



TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			tăng lên sau khi phát hành 1.241.223 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 như sau: a. Trước thay đổi: Vốn điều lệ của Công ty là 82.760.800.000 đồng; b. Sau thay đổi: Vốn điều lệ của Công ty là 95.173.030.000 đồng. <b>Điều 3.</b> Thay đổi vốn điều lệ tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật hiện hành.	
15	240/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường)	29/11/2022	<b>Điều 1.</b> Điều chỉnh tên gọi phòng Phân tích hệ thống điện thành phòng Nghiên cứu và phát triển. <b>Điều 2.</b> Thống nhất chủ trương thành lập phòng Tư vấn dự án. Giao TGD ban hành quyết định thành lập Phòng sau khi đã xác định rõ sự cần thiết, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức điều hành của Phòng.	100%

#### 1.4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Lạc Thái Phước - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Quốc Điền - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Lê Minh - Thành viên Hội đồng quản trị.

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3
1	Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	24/6/2022	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	0,033%
2	Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	24/6/2022		0%



TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	24/6/2022	Cử nhân Kế toán	0,062%

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Công tác triển khai giám sát, kiểm soát theo kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động kiểm soát các nội dung chính, bao gồm:
  - + Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 24/6/2022 với các nội dung cụ thể: Giám sát công tác sản xuất kinh doanh theo kế hoạch, kế hoạch đầu tư tài chính, kế hoạch mua sắm khác phục vụ công tác sản xuất, công tác phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông.
  - + Theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo về kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo từng quý, 6 tháng và cả năm 2022. Giám sát việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.
  - + Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập trên các tiêu chí chào phí cạnh tranh chọn và đã đề xuất chọn Công ty TNHH kiểm toán Vaco thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2022 và báo cáo tài chính năm 2022. Phối hợp và giám sát các hoạt động kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập.
  - + Theo dõi giám sát việc triển khai các kiến nghị của Ban kiểm soát trong các đợt kiểm soát của năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022. Công ty đã và đang tiếp thu những kiến nghị của Ban kiểm soát và đã có các giải pháp để triển khai các kiến nghị cụ thể nhằm ngày càng hoàn thiện công tác quản trị của Công ty.
  - + Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và công nợ trong quá trình hoạt động. Tiến hành thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm sau khi kiểm toán độc lập đã thực hiện.
  - + Đã tiến hành các cuộc làm việc trực tiếp cụ thể: Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2021 trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung



kiểm soát bao gồm các nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất (Biên bản kiểm soát báo cáo tài chính năm 2021 tại TV3 ngày 13/3/2022). Và kiểm soát trực tiếp hoạt động 6 tháng đầu năm 2022 của Chi nhánh miền Trung - Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với một số hoạt động chính về công tác sản xuất, công tác công nợ phải thu và một số hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh (Biên bản kiểm soát 6 tháng đầu năm 2022). Sau các đợt kiểm soát đều có biên bản làm việc của Ban kiểm soát ghi nhận tình hình hoạt động của Công và các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Các biên bản làm việc của Ban Kiểm soát:

TT	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	13/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị năm 2021.</li> <li>- Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2021.</li> <li>- Thẩm định báo cáo tài chính kế toán năm 2021.</li> <li>- Một số nội dung khác nhằm đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy chế quản trị nội bộ.</li> </ul>
2	Báo cáo tình hình giám sát chất lượng kiểm toán 6 tháng đầu năm 2022 của Chi nhánh Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 - Chi nhánh miền Trung	26/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp kết quả giám sát kiểm toán độc lập giai đoạn soát xét 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3.</li> <li>- Kiểm soát, đánh giá tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2022 của Chi nhánh.</li> <li>- Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2022.</li> <li>- Các nội dung khác hoạt động khác : Chi tiêu nội bộ, chi phí tiền lương, chi phí sản xuất, các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</li> </ul>

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị:

Ông Thái Tuấn Tài

- Chủ tịch HĐQT: 214.980.000 đồng

(Miễn nhiệm từ ngày 24/6/2022)



Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	- Chủ tịch HĐQT:	214.980.000 đồng (Bổ nhiệm từ ngày 24/6/2022)
Ông Nguyễn Phú Gia	- Thành viên HĐQT:	36.000.000 đồng (Miễn nhiệm từ ngày 24/6/2022)
Ông Nguyễn Ngọc Kế	- Thành viên HĐQT:	36.000.000 đồng (Miễn nhiệm từ ngày 24/6/2022)
Ông Võ Văn Phương	- Thành viên HĐQT:	36.000.000 đồng (Bổ nhiệm từ ngày 24/6/2022)
- Ban Tổng Giám đốc:		
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	- Tổng Giám đốc:	207.180.000 đồng (Miễn nhiệm từ ngày 24/6/2022)
Ông Lạc Thái Phước	- Quyền TGD:	484.150.000 đồng (Bổ nhiệm từ ngày 24/6/2022)
	- Phó TGD	(Bổ nhiệm từ ngày 15/02/2022)
Ông Trần Quốc Điền	- Phó Tổng Giám đốc:	1.222.789.873 đồng
Ông Trần Lê Minh	- Phó Tổng Giám đốc:	1.116.729.600 đồng
Ông Nguyễn Trí Trinh	- Phó Tổng Giám đốc:	869.791.000 đồng (Miễn nhiệm từ ngày 01/9/2022)
Ông Nguyễn Công Thắng	- Phó Tổng Giám đốc:	248.468.000 đồng (Bổ nhiệm từ ngày 01/9/2022)
- Ban kiểm soát:		
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát:	383.160.000 đồng
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS:	72.000.000 đồng
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS:	547.657.797 đồng

### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

T T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Trần Quốc Điền	Phó TGD	463.957	5,605%	533.550	5,606%	Mua thêm, Nhận CT



T T	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	5.100	0,062%	5.865	0,062%	Mua thêm, Nhận CT
3	Công ty TNHH VP Invest	Cổ đông lớn	593.000	7,17%	1.271.6 80	13,36%	Mua thêm, Nhận CT

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** các giao dịch với bên liên quan, chi tiết tại các thuyết minh số 06, 08, 13, 14, 18, 21 và 30 của Báo cáo tài chính được kiểm toán tại Phụ lục đính kèm.

**3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Công ty đã áp dụng quản trị theo điều 137 khoản 1 mục a của Luật doanh nghiệp năm 2020: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Mô hình quản trị này là phù hợp với đặc thù và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

- Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Xem Phụ lục đính kèm.

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2023

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Như Hoàng Tuấn





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Digitally signed by  
Nguyễn Văn Long  
Date: 2023-03-02 09:50:  
43

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 35

325 / C  
ÁNH  
CH  
125 /

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Lê Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lạc Thái Phước	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2022) làm Quyền Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 6 năm 2022
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 8 năm 2022)
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 9 năm 2022)
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2022)

##### **Ban kiểm soát**

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên

##### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn đã ủy quyền cho Ông Lạc Thái Phước ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 4418/GUQ-TVĐ3 ngày 29 tháng 12 năm 2022.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lạc Thái Phước**  
**Quyền Tổng Giám đốc**  
Theo Giấy ủy quyền số 4418/GUQ-TVĐ3  
ngày 29 tháng 12 năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 016/VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 31, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Đức Tiên**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2023*

**Nguyễn Ngọc Thạch**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>153.815.229.889</b>	<b>207.663.131.412</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.305.776.510</b>	<b>35.993.379.842</b>
1. Tiền	111		10.305.776.510	10.993.379.842
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	25.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>220.790.000</b>	<b>4.220.790.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>108.394.593.134</b>	<b>145.823.027.905</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	133.452.180.500	166.140.510.254
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.393.891.800	2.150.347.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.869.647.268	1.848.543.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(30.321.126.434)	(24.316.373.229)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>26.546.339.757</b>	<b>21.144.383.118</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.546.339.757	21.144.383.118
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.347.730.488</b>	<b>481.550.547</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	571.254.608	481.550.547
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	776.475.880	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>115.646.141.003</b>	<b>120.525.215.082</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.311.651.884</b>	<b>43.292.927.499</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	41.828.651.884	42.809.927.499
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	483.000.000	483.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.003.447.583</b>	<b>19.863.262.617</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.409.174.876	10.432.712.360
- Nguyên giá	222		57.104.975.261	56.746.976.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.695.800.385)	(46.314.263.643)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	8.594.272.707	9.430.550.257
- Nguyên giá	228		20.880.885.526	20.880.885.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.286.612.819)	(11.450.335.269)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>291.600.000</b>	<b>162.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		291.600.000	162.000.000
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>53.150.000.000</b>	<b>53.150.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.889.441.536</b>	<b>4.057.024.966</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.734.144.184	3.901.727.614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		155.297.352	155.297.352
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>269.461.370.892</b>	<b>328.188.346.494</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>127.412.651.562</b>	<b>203.299.350.197</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.412.651.562</b>	<b>203.299.350.197</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.022.638.285	9.072.136.593
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	24.302.895.409	32.077.217.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.619.392.482	13.510.491.000
4. Phải trả người lao động	314		44.052.600.489	103.105.120.132
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.358.875.181	3.134.538.827
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.915.441.921	22.051.446.536
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	21.526.484.688	17.400.276.571
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.614.323.107	2.948.123.107
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>142.048.719.330</b>	<b>124.888.996.297</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>142.048.719.330</b>	<b>124.888.996.297</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.116.000.000	19.072.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.759.829.330	23.056.336.297
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.874.106.297	2.910.513.621
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.885.723.033	20.145.822.676
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>269.461.370.892</b>	<b>328.188.346.494</b>



Lạc Thái Phước  
Quyền Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		251.241.254.893		316.338.431.189	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		4.136.813.513	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	251.241.254.893		312.201.617.676	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	157.450.682.211		216.461.702.077	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		93.790.572.682		95.739.915.599	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.985.457.089		827.291.292	
7. Chi phí tài chính	22	25	747.915.038		(561.774.850)	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		505.951.005		383.929.396	
8. Chi phí bán hàng	25	26	22.034.324.598		18.930.195.747	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	54.790.103.937		54.184.391.485	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.203.686.198		24.014.394.509	
11. Thu nhập khác	31		1.305.558.552		1.284.115.017	
12. Chi phí khác	32		906.358.055		107.378.103	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		399.200.497		1.176.736.914	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.602.886.695		25.191.131.423	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	3.717.163.662		5.045.308.747	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		19.885.723.033		20.145.822.676	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.880		1.830	



Lạc Thái Phước  
Quyền Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>23.602.886.695</b>	<b>25.191.131.423</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.586.968.695	8.286.181.492
- Các khoản dự phòng	03	6.004.753.205	8.180.683.163
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.498.150	78.672.693
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.852.876.718)	(1.296.393.407)
- Chi phí lãi vay	06	505.951.005	383.929.396
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>26.859.181.032</b>	<b>40.824.204.760</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.825.033.624	(35.638.105.555)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.401.956.639)	(1.211.645.331)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(77.070.528.922)	(21.299.640.130)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.077.879.369	864.671.907
- Tiền lãi vay đã trả	14	(505.951.005)	(383.929.396)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.104.531.314)	(2.388.625.485)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.059.800.000)	(1.510.310.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(33.380.673.855)</b>	<b>(20.743.379.230)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(856.753.661)	(968.612.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	795.021.053	-
3. Tiền chi cho vay	23	-	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(22.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	480.855.750
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.889.998.940	707.783.501
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>10.828.266.332</b>	<b>(26.279.973.499)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.952.504.106	35.587.795.643
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.826.295.989)	(18.187.519.072)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(258.332.400)	(8.039.443.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.867.875.717</b>	<b>9.360.833.571</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(18.684.531.806)</b>	<b>(37.662.519.158)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.071.526)	(65.809.136)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>17.305.776.510</b>	<b>35.993.379.842</b>



Lạc Thái Phước  
Quyền Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 21 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 466 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện- nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

1025  
C  
HÀNH  
ÁCH  
THAM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

468  
HINH  
PHO  
COP  
NH  
TIEN  
VA  
VH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Chi phí trả trước khác:* Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

16.  
HÁ  
HỒ  
G  
M  
TC  
C  
T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

002  
NH  
CHÍ  
Y  
HỮU  
ẤN  
O  
P.H



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

##### Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Công ty TNHH VP INVEST  
Ông Trần Quốc Điền  
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn  
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

##### Mối quan hệ

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cùng tập đoàn  
Quản lý chủ chốt

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	73.758.335	255.109.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.232.018.175	10.738.270.390
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	7.000.000.000	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.305.776.510</b>	<b>35.993.379.842</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>1.206.365.400</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>1.214.372.250</b>	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.206.365.400	-	220.790.000	1.214.372.250	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	-	-	<b>4.000.000.000</b>	-	-
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	-	-	-	4.000.000.000	-	-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>53.150.000.000</b>	-	-	<b>53.150.000.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	6.300.000.000	-	3.150.000.000	6.772.500.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>53.370.790.000</b>	-	-	<b>57.370.790.000</b>	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng vốn điều lệ.
- (\*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>133.452.180.500</b>	<b>166.140.510.254</b>
<b>a1) Bên liên quan</b>	<b>100.113.710.002</b>	<b>123.033.559.842</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	29.161.187.150	34.907.017.043
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.377.919.364	19.362.549.364
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.484.654.371	10.122.149.335
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	9.122.042.237	16.153.500.900
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	8.837.969.155	4.495.485.171
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	7.356.197.179	6.201.215.192
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.609.593.932	11.362.235.762
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	4.570.954.543	4.079.161.665
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	1.316.581.938	2.185.250.000
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	1.105.318.638	-
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	906.644.869	1.804.012.252
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	770.428.746	1.010.242.046
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	664.727.120	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	427.759.528	180.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	383.944.895	-
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	379.932.724	308.244.702
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	297.490.909	358.582.400
Công ty Truyền tải điện 3 - Truyền tải điện Bình Định	178.282.188	-
Ban Quản lý dự án Điện 2	159.138.000	1.941.690.755
Công ty Điện Lực Sài Gòn	2.942.516	5.460.013
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	-	2.949.883.454
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	2.418.828.407
Ban QLDA thủy điện 1	-	1.244.364.245
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	625.520.920
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	-	369.936.800
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	-	246.000.000
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	-	238.590.000
Công ty Truyền tải điện 3 -Truyền tải điện ĐắkNông	-	205.902.125
Ban quản lý dự án Truyền tải điện	-	109.939.000
Ban Quản lý dự án Điện 3	-	104.640.000
Điện lực Trung tâm Nha Trang	-	43.158.291
<b>a2) Đối tượng khác</b>	<b>33.338.470.498</b>	<b>43.106.950.412</b>
Khác	33.338.470.498	43.106.950.412

856  
NH  
ƯỠI  
NG  
HIỆ  
MT  
A  
1-3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>41.828.651.884</b>	<b>42.809.927.499</b>
<b>b1) Bên liên quan</b>	<b>30.664.595.658</b>	<b>36.366.825.865</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.965.966.747	10.697.460.367
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.469.484.625	15.379.460.683
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.012.476.975	3.389.727.752
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.178.912.544	2.056.099.362
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.408.264.447
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	1.820.526.204	824.553.213
Ban Quản lý dự án Điện 2	702.180.988	375.093.000
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	412.792.570	412.792.570
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	258.837.962	-
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	217.540.795	186.028.683
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	197.286.504
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	115.260.000	115.260.000
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	114.180.300	152.335.116
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	93.059.450
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	91.060.984	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	62.776.797	31.147.917
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	11.571.856	16.349.189
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	-	253.887.023
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	-	113.794.679
Công ty CP Thủy điện miền Trung	-	70.450.000
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	-	33.200.000
Công ty thủy điện Đồng Nai	-	28.160.000
<b>b2) Đối tượng khác</b>	<b>11.164.056.226</b>	<b>6.443.101.634</b>
Khác	11.164.056.226	6.443.101.634
<b>Cộng</b>	<b>175.280.832.384</b>	<b>208.950.437.753</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.869.647.268</b>	<b>1.848.543.027</b>
Tạm ứng cho nhân viên	2.999.744.487	1.156.980.612
Khác	869.902.781	691.562.415
<b>b) Dài hạn</b>	<b>483.000.000</b>	<b>483.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	483.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.352.647.268</b>	<b>2.331.543.027</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>20.206.123.772</b>	<b>6.091.895.819</b>	<b>(14.114.227.953)</b>	<b>21.679.784.480</b>	<b>9.184.199.648</b>	<b>(12.495.584.832)</b>
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.377.919.364	6.091.895.819	(13.286.023.545)	18.048.670.314	9.024.335.157	(9.024.335.157)
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 2	-	-	-	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)
Các bên liên quan khác	828.204.408	-	(828.204.408)	1.212.285.759	159.864.491	(1.052.421.268)
<b>b) Các đối tượng khác</b>	<b>25.559.542.122</b>	<b>9.352.643.641</b>	<b>(16.206.898.481)</b>	<b>15.199.996.320</b>	<b>3.379.207.923</b>	<b>(11.820.788.397)</b>
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Các khách hàng khác	20.459.126.276	9.352.643.641	(11.106.482.635)	10.099.580.474	3.379.207.923	(6.720.372.551)
<b>Cộng</b>	<b>45.765.665.894</b>	<b>15.444.539.460</b>	<b>(30.321.126.434)</b>	<b>36.879.780.800</b>	<b>12.563.407.571</b>	<b>(24.316.373.229)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	96.900.759	-	147.608.070	-
Công cụ, dụng cụ	1.782.508	-	5.157.008	-
Chi phí SXKD dở dang	26.447.656.490	-	20.991.618.040	-
<b>Cộng</b>	<b>26.546.339.757</b>	<b>-</b>	<b>21.144.383.118</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>571.254.608</b>	<b>481.550.547</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	45.365.102	147.968.269
Chi phí phần mềm	525.889.506	333.582.278
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.734.144.184</b>	<b>3.901.727.614</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.340.003.920	2.692.683.162
Chi phí phần mềm	394.140.264	1.209.044.452
<b>Cộng</b>	<b>3.305.398.792</b>	<b>4.383.278.161</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	13.196.031.024	17.758.490.103	17.493.444.426	8.299.010.450	56.746.976.003
- Mua trong năm	-	535.503.661	-	191.650.000	727.153.661
- Thanh lý, nhượng bán	-	(84.781.673)	-	(284.372.730)	(369.154.403)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>18.209.212.091</b>	<b>17.493.444.426</b>	<b>8.206.287.720</b>	<b>57.104.975.261</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	8.995.224.465	14.494.951.321	15.569.099.449	7.254.988.408	46.314.263.643
- Khấu hao trong năm	674.209.488	1.148.992.342	481.147.005	446.342.310	2.750.691.145
- Thanh lý, nhượng bán	-	(84.781.673)	-	(284.372.730)	(369.154.403)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.669.433.953</b>	<b>15.559.161.990</b>	<b>16.050.246.454</b>	<b>7.416.957.988</b>	<b>48.695.800.385</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.200.806.559	3.263.538.782	1.924.344.977	1.044.022.042	10.432.712.360
Tại ngày cuối năm	3.526.597.071	2.650.050.101	1.443.197.972	789.329.732	8.409.174.876

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.211.151.560 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22.663.982.872 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm		Tổng cộng
	Quyền sử dụng đất	máy tính	
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	<u>10.257.146.572</u>	<u>10.623.738.954</u>	<u>20.880.885.526</u>
Số dư cuối năm	<u>10.257.146.572</u>	<u>10.623.738.954</u>	<u>20.880.885.526</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	<u>1.861.840.869</u>	<u>9.588.494.400</u>	<u>11.450.335.269</u>
- Khấu hao trong năm	172.446.096	663.831.454	836.277.550
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>2.034.286.965</u>	<u>10.252.325.854</u>	<u>12.286.612.819</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>8.395.305.703</u>	<u>1.035.244.554</u>	<u>9.430.550.257</u>
Tại ngày cuối năm	<u>8.222.859.607</u>	<u>371.413.100</u>	<u>8.594.272.707</u>

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.110.614.204 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.291.360.637 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.636.366.295 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>				
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	-	-	<u>33.942.095</u>	<u>33.942.095</u>
<b>b) Đối tượng khác</b>				
Công ty CP xây lắp điện 1	-	-	3.298.900.000	3.298.900.000
Khác	5.022.638.285	5.022.638.285	5.739.294.498	5.739.294.498
<b>Cộng</b>	<u>5.022.638.285</u>	<u>5.022.638.285</u>	<u>9.072.136.593</u>	<u>9.072.136.593</u>

68!  
H N  
PHỐ  
C N  
NH  
IÊN  
V P  
V H



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>21.033.499.372</b>	<b>26.905.205.073</b>
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	6.292.089.514	7.170.478.992
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.926.259.367	5.211.741.382
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.804.770.490	4.757.075.715
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPMB)	1.112.231.200	596.292.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.061.368.513	1.499.745.640
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	823.000.000	823.000.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	470.625.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	437.500.000	691.500.000
Ban QLDA nhiệt điện 3	321.068.834	445.056.834
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	190.445.250	228.600.066
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	92.161.685	450.101.685
Ban Quản lý dự án Điện 2	40.361.548	40.361.548
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	-	1.687.600.000
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	-	246.868.800
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực VN	-	100.438.263
Ban QLDA nhiệt điện 2	-	24.101.177
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>3.269.396.037</b>	<b>5.172.012.358</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.578.411.132
Viện Năng Lượng	-	226.087.750
Khác	3.269.396.037	2.367.513.476
<b>Cộng</b>	<b>24.302.895.409</b>	<b>32.077.217.431</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>	-	-	(776.475.880)	776.475.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(776.475.880)	776.475.880
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(776.475.880)</b>	<b>776.475.880</b>
<b>b) Phải nộp</b>	9.807.352.558	13.229.661.605	(19.498.704.123)	3.538.310.040
Thuế giá trị gia tăng	9.807.352.558	13.229.661.605	(19.498.704.123)	3.538.310.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.610.891.772	3.717.163.662	(7.328.055.434)	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.246.670	7.981.338.478	(7.992.502.706)	81.082.442
Các loại thuế, phí khác	-	184.519.759	(184.519.759)	-
<b>Cộng</b>	<b>13.510.491.000</b>	<b>25.112.683.504</b>	<b>(35.003.782.022)</b>	<b>3.619.392.482</b>

6-Đ  
HÀNH  
HỒ SƠ  
ĐT  
MH  
TOÁN  
C  
T.P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	596.358.900	1.153.253.260
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	536.622.218	94.682.599
Phải trả cổ tức cho cổ đông	803.029.875	1.061.362.275
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	10.830.210.437	9.170.919.419
Chi phí công trình phải trả	7.285.015.811	6.684.903.513
Khác	864.204.680	3.886.325.470
<b>Cộng</b>	<b><u>20.915.441.921</u></b>	<b><u>22.051.446.536</u></b>

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Số có khả năng</u>		<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số có khả năng</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>			<u>Giá trị</u>	<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	9.295.467.231	9.295.467.231	15.650.500.447	(18.331.327.955)	6.614.639.723	6.614.639.723
Cán bộ công nhân viên (ii)	8.104.809.340	8.104.809.340	25.302.003.659	(18.494.968.034)	14.911.844.965	14.911.844.965
<b>Cộng</b>	<b><u>17.400.276.571</u></b>	<b><u>17.400.276.571</u></b>	<b><u>40.952.504.106</u></b>	<b><u>(36.826.295.989)</u></b>	<b><u>21.526.484.688</u></b>	<b><u>21.526.484.688</u></b>

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143.
- (ii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>13.186.000.000</b>	<b>19.708.579.621</b>	<b>115.655.239.621</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	20.145.822.676	20.145.822.676
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	(2.636.000.000)	(2.636.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.886.000.000	(5.886.000.000)	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>19.072.000.000</b>	<b>23.056.336.297</b>	<b>124.888.996.297</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	19.885.723.033	19.885.723.033
- Chia lợi nhuận (i)	12.412.230.000	-	-	(12.412.230.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (ii)	-	-	-	(2.726.000.000)	(2.726.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (ii)	-	-	6.044.000.000	(6.044.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>25.116.000.000</b>	<b>21.759.829.330</b>	<b>142.048.719.330</b>

**Ghi chú:**

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022 đã thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 bằng cổ phiếu. Ngày 07 tháng 10 năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ phát hành là 15%, tỷ lệ thực hiện quyền 20:3.
- (ii) Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303	8.276.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289	8.276.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.289	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	40.371.340.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	11.904.800.000	12,51%	-	0,00%
Ông Trần Quốc Điền	5.335.500.000	5,61%	4.232.000.000	5,11%
Cổ đông khác	31.505.550.000	33,10%	38.157.320.000	46,11%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 258.332.400 VND (năm trước là 8.039.443.000 VND).

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	10.005,58	260.688,38
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.029,40	2.719,96

**20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	251.241.254.893	316.338.431.189
<b>Cộng</b>	<b>251.241.254.893</b>	<b>316.338.431.189</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>4.136.813.513</b>
Giảm giá dịch vụ	-	4.136.813.513
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>251.241.254.893</b>	<b>312.201.617.676</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>178.398.774.129</b>	<b>201.211.168.888</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	70.636.508.284	84.289.663.030
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	40.230.790.192	35.301.234.203
Ban QLDA Truyền tải điện	15.072.178.620	19.682.966.418
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	14.752.914.057	4.107.878.221
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	12.684.504.260	18.254.007.811
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	5.625.672.705	10.464.070.006
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Lưới điện miền Nam	2.208.307.642	3.248.381.220

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	(Trình bày lại) VND
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Tiếp theo)</i>		
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.889.212.692	2.055.930.783
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	1.625.409.800	2.781.981.874
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	1.580.520.423	727.494.576
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.397.642.545	1.765.173.415
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	1.392.227.372	279.203.321
Công ty Thủy điện Trị An	1.368.637.864	-
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	1.137.159.093	1.274.803.944
Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ	1.051.800.000	420.382.727
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	976.200.000	116.992.218
Công ty thủy điện Buôn Kuốp	763.424.993	1.474.204.545
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	750.905.211	918.401.860
Công ty Điện lực Cà Mau	687.173.280	1.318.846.397
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	635.000.000	935.600.000
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	444.500.000	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	406.997.545	968.711.273
Công ty Thủy điện Sông Bung	307.102.951	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	196.837.500	327.272.727
Công ty Truyền tải điện Bình Định	165.076.100	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	87.272.727	203.636.364
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng Công ty Phát Điện 1	86.720.533	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	75.220.268	84.371.941
Công ty Truyền tải Điện 3	66.377.798	677.172.168
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	54.538.980	-
Công ty Điện lực Bà Rịa Vũng Tàu	49.707.870	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	39.771.402	55.709.290
Công ty Truyền tải điện 1	1.019.079	-
Tổng Công ty Phát Điện 1 (Ban QLDA Nhiệt điện 2)	(1.352.270)	-
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	(47.205.387)	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	-	3.118.638.238
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	-	2.008.397.795
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	1.182.941.072
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	-	1.047.818.182
Công ty Thủy điện Đồng Nai	-	859.579.191
Công ty Điện lực Bình Phước	-	389.340.000
Công ty Truyền tải điện Đắk Nông	-	311.605.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	141.641.811
Công ty Truyền tải điện Bình Thuận	-	116.801.300
Công ty thủy điện Italy	-	97.940.525
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	-	82.981.750
Công ty Truyền tải Điện 4	-	64.765.201
Công ty Truyền tải điện Gia Lai	-	54.627.591

385  
TÀI  
HỌ  
ÔN  
H  
ẾM  
JA  
/H.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	157.450.682.211	216.461.702.077
<b>Cộng</b>	<b><u>157.450.682.211</u></b>	<b><u>216.461.702.077</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	544.456.766	9.827.170.078
Chi phí nhân công	120.071.666.763	164.683.306.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.586.968.695	8.286.181.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.850.766.228	66.091.872.507
Chi phí khác	83.672.537.539	41.938.155.403
<b>Cộng</b>	<b><u>233.726.395.991</u></b>	<b><u>290.826.686.257</u></b>

**24. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	259.753.418	283.132.851
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.593.123.300	400.406.400
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	69.144.250
Lãi chênh lệch tỷ giá	132.580.371	74.607.791
<b>Cộng</b>	<b><u>6.985.457.089</u></b>	<b><u>827.291.292</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	505.951.005	383.929.396
Chi phí bảo lãnh	217.216.915	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(1.138.939.289)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.747.118	193.235.043
<b>Cộng</b>	<b><u>747.915.038</u></b>	<b><u>(561.774.850)</u></b>

S-Đ  
IÁN  
IỐC  
3 T  
M+  
TOU  
C  
T.V

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	4.042.391.833	4.593.680.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.262.764.005	8.273.391.548
Các khoản chi phí khác	13.729.168.760	6.063.123.603
<b>Cộng</b>	<b>22.034.324.598</b>	<b>18.930.195.747</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	18.188.192.783	15.297.287.963
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.318.327.539	2.602.469.753
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.004.753.205	9.324.424.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.895.757.243	9.520.922.394
Các khoản chi phí khác	16.383.073.167	17.439.287.147
<b>Cộng</b>	<b>54.790.103.937</b>	<b>54.184.391.485</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.602.886.695</b>	<b>25.191.131.423</b>
<b>Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>382.991.966</b>	<b>591.742.420</b>
Thù lao HĐQT không chuyên trách	108.000.000	144.000.000
Tiền chậm nộp thuế	106.859.098	-
Loại trừ hóa đơn hết giá trị sử dụng năm 2020	156.634.718	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay	11.498.150	78.672.693
Chi phí không được trừ	-	369.069.727
<b>Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(6.671.795.993)</b>	<b>(583.672.245)</b>
Lợi nhuận cốt lõi được chia	(6.593.123.300)	(400.406.400)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước	(78.672.693)	(183.265.845)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>17.314.082.668</b>	<b>25.199.201.598</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.462.816.534</b>	<b>5.039.840.320</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	254.347.128	5.468.427
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.717.163.662</b>	<b>5.045.308.747</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	19.885.723.033	20.145.822.676
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.988.572.303	2.726.000.000
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>17.897.150.730</b>	<b>17.419.822.676</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.880	1.830
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2021 với giá trị 2.726.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2021 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 2.191 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 120/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 6 năm 2022.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	21.526.484.688	17.400.276.571
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(17.305.776.510)	(35.993.379.842)
Nợ thuần	4.220.708.178	-
Vốn chủ sở hữu	142.048.719.330	124.888.996.297
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,03</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.305.776.510	17.305.776.510	35.993.379.842	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.150.735.165	176.150.735.165	209.603.000.168	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.206.365.400	4.220.790.000	5.214.372.250
Các khoản ký quỹ	483.000.000	483.000.000	522.000.000	522.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.160.301.675</b>	<b>195.145.877.075</b>	<b>250.339.170.010</b>	<b>251.332.752.260</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	21.526.484.688	21.526.484.688	17.400.276.571	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	24.805.099.088	24.805.099.088	29.875.647.270	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.358.875.181	3.358.875.181	3.134.538.827	3.134.538.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.690.458.957</b>	<b>49.690.458.957</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>50.410.462.668</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

102  
HÀNH  
ÁCH  
THA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.305.776.510	-	-	17.305.776.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	133.340.807.666	42.809.927.499	-	176.150.735.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	483.000.000	-	483.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>150.867.374.176</b>	<b>43.292.927.499</b>	<b>-</b>	<b>194.160.301.675</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	21.526.484.688	-	-	21.526.484.688
Phải trả người bán và phải trả khác	24.805.099.088	-	-	24.805.099.088
Chi phí phải trả	3.358.875.181	-	-	3.358.875.181
<b>Tổng cộng</b>	<b>49.690.458.957</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.690.458.957</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>101.176.915.219</b>	<b>43.292.927.499</b>	<b>-</b>	<b>144.469.842.718</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	-	-	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.871.601.717	53.731.398.451	-	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	-	-	4.220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	522.000.000	-	522.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>196.085.771.559</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>250.339.170.010</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	17.400.276.571	-	-	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	-	-	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.134.538.827	-	-	3.134.538.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.410.462.668</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>145.675.308.891</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>199.928.707.342</b>

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 08, 13, 14, 18 và 21; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	33.942.095	563.542.095
<b>Cộng</b>	<b>33.942.095</b>	<b>563.542.095</b>
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.037.134.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.037.134.000</b>

*Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>537.960.000</b>	<b>776.960.000</b>
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	214.980.000	528.960.000
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch	214.980.000	-
Ông Võ Văn Phương	Thành viên	36.000.000	-
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	36.000.000	131.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	36.000.000	116.600.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>4.149.108.473</b>	<b>4.048.157.309</b>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	207.180.000	493.560.000
Ông Lạc Thái Phước	Quyền Tổng Giám đốc	484.150.000	-
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.116.729.600	1.324.767.750
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	869.791.000	1.290.549.201
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc	1.222.789.873	450.100.358
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc	248.468.000	-
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	-	172.840.000
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	-	316.340.000
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>		<b>1.002.817.797</b>	<b>966.548.982</b>
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát	383.160.000	430.660.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên	72.000.000	95.600.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	547.657.797	440.288.982
<b>Cộng</b>		<b>5.689.886.270</b>	<b>5.791.666.291</b>

**31. NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28/6/2021 trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16/12/2021 trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02/11/2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11/7/2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26/7/2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 457.000.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.484.000.000	5.484.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.484.000.000</b>	<b>5.484.000.000</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu thanh lý tài sản cố định trong năm bao gồm 795.021.053 VND là số tiền phải thu trong năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 7.777.778 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được, nhưng đã bao gồm 44.900.000 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm bao gồm 258.332.400 VND là số cổ tức các năm trước được chi trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Lạc Thái Phước**  
Quyền Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

**Phạm Hoàng Vinh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Trần Phương Thúy**  
Người lập biểu

